CỤC THUẾ TỈNH KON TUM
**CHI CỤC THUẾ TP KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập -Tự do - Hạnh Phúc**

# DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ NỢ TIỀN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 18948/TB-CCT ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Chi cục ThuếTP Kon Tum )*

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | Tổng Cộng | | | **3.204.945.165** | |
| | Doanh Nghiệp | | | **1.469.988.351** | |
| 1 | Công ty TNHH Trí Minh Kon Tum | 6101191658 | số nhà 03, đường A Dừa, tổ 9, phường Duy Tân, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.115.517 | |
| 2 | Công ty TNHH Cổ phần tư vấn DHF | 6100316569 | số nhà 101, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Duy Tân, TP Kon Tum, Kon Tum | 50.308.770 | |
| 3 | Doanh nghiệp tư nhân Long Hoà | 6100346570 | số nhà 124, đường Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 9.665.474 | |
| 4 | Công ty TNHH Thiên Lâm Kt | 6100305013 | số nhà 15 (số cũ 80), đường Đoàn Thị Điểm, phường Quang Trung, TP Kon Tum, Kon Tum | 45.734.600 | |
| 5 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thạch An | 6100204921 | Số nhà 200C, đường Bà Triệu, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Ko | 2.180.532 | |
| 6 | Công ty TNHH Đức Trọng Phát | 6101278041 | số nhà 154, đường Phan Đình Phùng, phường Ngô Mây, Thành phố Kon Tum, K | 2.021.150 | |
| 7 | Công ty TNHH một thành viên Thiện Chí Kon Tum | 6100797679 | số nhà 12, đường Bà Triệu, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 59.625.000 | |
| 8 | Liên hiệp Hợp tác xã Nông - công nghiệp xanh Kon Tum | 6101248336 | số nhà 72A, đường Bà Triệu, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.500.000 | |
| 9 | Chi nhánh công ty TNHH Sinh Thái Trung Việt tại Kon Tum | 5900673328-001 | số nhà 03, đường Ngô Tiến Dũng, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.000.000 | |
| 10 | CÔNG TY TNHH MTV MƯỜNG HOONG | 6101281326 | số nhà 100, đường Nguyễn Huy Lung, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.097.800 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật Pqh | 6101178505 | số nhà 430, đường Nguyễn Huệ, phường Thống Nhất, TP Kon Tum, Kon Tum | 157.474.215 | |
| 12 | Công ty TNHH một thành viên Tân Nhật Linh Kon Tum | 6101145210 | số nhà 579, đường Phạm Văn Đồng, phường Trần Hưng Đạo, TP Kon Tum, Kc | 30.382.259 | |
| 13 | Công tyy Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Thắng | 6100698212 | Số nhà 18, đường Trần Nguyên Hãn, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum | 2.225.600 | |
| 14 | Công tyy Trách Nhiệm Hữu Hạn Dương Hà | 6100252788 | Số nhà 85, đường Lê Quý Đôn, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum | 17.304.744 | |
| 15 | Công ty trách nhiệm Hữu Hạn MTV Hoàng Dũng Kon Tum | 6101288515 | Hẻm 141, đường Võ Nguyên Giáp, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum | 5.851.750 | |
| 16 | Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Vĩnh Khang | 6100349469 | Số nhà 125, đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Duy Tân, TP Kon Tum | 939.812 | |
| 17 | Công ty TNHH MTV Xây dựng Huệ Đăng | 6101267956 | Số nhà 288, đường Đào Duy Từ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 102.254.065 | |
| 18 | Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Tân Phước | 6100777263 | Số nhà 310, đường Thi Sách, P. Thắng Lợi, thành phố Kon Tum | 192.776.768 | |
| 19 | Công ty trách nhiệm Hữu Hạn MTV tư vấn xây dựng Đồng Đồng | 6101230339 | Số nhà 18, đường A Gió, P. Thắng Lợi, thành phố Kon Tum | 4.193.400 | |
| 20 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Đất Việt | 6100244240 | Số nhà 55 (số cũ), Đường Đào Duy Từ, P. Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum | 14.323.504 | |
| 21 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Đức Toàn | 6100641696 | Số nhà 143, đường Thi Sách, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.330.065 | |
| 22 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HỮU CƠ SINH HỌC AN THÁI | 6101193447 | Số nhà 03, đường Ngô Tiến Dũng, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 38.684.364 | |
| 23 | Công ty TNHH MTV Trường Nguyên Khánh | 6101237172 | Số nhà 01, đường Trường Chinh, phường Trường Chinh, TP Kon Tum, Kon Tum | 48.275.633 | |
| 24 | Công ty TNHH DHF | 6101251917 | Số 129 Đường Trần Văn Hai, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum | 56.305.619 | |
| 25 | CÔNG TY TNHH MTV 01 Thái Phương | 6101242052 | 45 Trần Quang Khải, Phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum | 58.300.709 | |
| 26 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Vĩnh Đạt | 6100261662 | Số nhà 38A, đường Nguyễn Thái Học, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum | 2.195.600 | |
| 27 | Công ty TNHH Thương mại Đồi Chò Nâu | 6101286860 | Số 169, đường Trần Hưng Đạo, Tổ 3, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum | 12.631.580 | |
| 28 | CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU TUẤN NGỌC KON TUM | 6101236154 | Số nhà 26 Đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum | 14.958.096 | |
| 29 | Công Ty Tnhh Xây Dựng Và Thương Mại Dịch Vụ Toàn Tâm | 6101285426 | Thôn Kon Tum Kơ Pơng, P. Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 303.972.057 | |
| 30 | Công Ty Tnhh Chum Kon Tum | 6101246579 | Số 27, Đường Thi Sách, P. Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 76.509.878 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 31 | Công Ty Tnhh Tư Vấn Và Xây Dựng Đch | 6101222352 | 89 Đường Nguyễn Trãi, P. Thống Nhất, TP Kon Tum, Kon Tum | 54.509.748 | |
| 32 | Công Ty Tnhh Một Thành Viên Xây Dựng Và Thương Mại Kim Minh | 6100536388 | Số nhà 87, Đường Trần Nhân Tông, P. Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 44.422.925 | |
| 33 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàng Nhân Kon Tum | 6100919648 | Số nhà 62, Đường Trần Hưng Đạo, P. Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 10.665.550 | |
| 34 | Công Ty Tnhh Tư Vấn Và Xây Dựng Đại Phong Tây Nguyên | 6101189391 | Số nhà 11, Đường Đào Duy Từ, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 18.475.506 | |
| 35 | Công Ty Tnhh Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Quốc Đạ | 6101257316 | Số 120 Huỳnh Đăng Thơ, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 6.414.642 | |
| 36 | Doanh Nghiệp Tn Môi Trường Và Xã Hội Vùng Cao | 6101206086 | Số nhà 269/10, Đường Trần Văn Hai, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 3.895.532 | |
| 37 | Công Ty Tnhh Một Thành Viên Nguyễn Bá Windows | 6101243793 | Số nhà 13, Đường Trương Quang Trọng, Phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 2.341.837 | |
| 38 | VPĐD Cty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Việt Tín Tại Kon Tum | 5900644260-001 | 466 Phạm Văn Đồng, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 2.091.200 | |
| 39 | Công Ty Tnhh Mtv Thương Mại Và Dịch Vụ Trang Trí Nội Thất Ngọc Thy | 6101275837 | Số nhà 34, Đường Trương Đăng Quế (Số cũ: 257/1 Đường Hàm Ngh, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 2.032.850 | |
| 40 | Công Ty TNHH MTV Vũ Đông Đức | 6101286892 | 307 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | 2.000.000 | |
| | **Hộ Kinh Doanh** | | | **1.734.956.814** | |
| 1 | Đặng Thị Anh Đào | 8437394670 | 73 Lê Lợi, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.548.000 | |
| 2 | Vương Hà Tấn Vinh | 6101205195 | 498 Trần Phú, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.704.800 | |
| 3 | Nguyễn Ngọc Toàn | 6101241806 | 504 Trần Phú, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.449.200 | |
| 4 | Trần Cẩm Tuấn | 6100456580 | 327 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 11.680.800 | |
| 5 | Phạm Thị Hồng Thu | 8317058275 | 191 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 9.410.625 | |
| 6 | Nguyễn Thái Khải | 6100215377 | 264 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.686.500 | |
| 7 | Phan Thị Thúy Vân | 8118006064 | 215 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 20.799.900 | |
| 8 | Phạm Thị Kim Liên | 8165189496 | 05 Hoàng Văn Thụ, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.035.000 | |
| 9 | Lê Quang Phúc | 8443333845 | 300 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.204.800 | |
| 10 | Trần ái Liên | 6100596588 | 208 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 6.524.880 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Nguyễn Thị Hải Yến | 6101206600 | 447 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.758.000 | |
| 12 | Lê Minh Phúc | 6101211015 | 222 Ngô Quyền, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.408.800 | |
| 13 | Nguyễn Thị Cúc | 0601018467-001 | 614 Trần Phú, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.750.000 | |
| 14 | Trần Thị Lê | 6101225385 | 612 Trần Phú, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.439.400 | |
| 15 | Phan Thị Thu Thuỷ | 6100643968 | 181 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 19.146.600 | |
| 16 | Nguyễn Đăng Khoa | 6100159884 | 1000 Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 24.154.900 | |
| 17 | Trần Thuý Hà | 6100261246 | 240 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 7.997.000 | |
| 18 | Đàm Văn Tuyển | 1100845877 | 123 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 14.379.490 | |
| 19 | Phan Thị Cẩm Nhung | 6101137890 | 175 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 37.834.400 | |
| 20 | Trà Huỳnh Tuyết Anh | 6101244437 | 251 Phan Chu Trinh, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 7.404.000 | |
| 21 | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | 6101268519 | 55 (số cũ 28) Hoàng Văn Thụ, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 39.151.000 | |
| 22 | Đào Thị Cúc | 6100810792 | 335 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 38.595.000 | |
| 23 | Lê Thảo Nguyên | 6100418987 | Lô 15 Ngô Tất Tố, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 29.461.000 | |
| 24 | Nguyễn Thị Thanh Hiền | 6100260718 | 214 Ngô Quyền, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 23.174.500 | |
| 25 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 6101110031 | 572 Nguyễn Huệ, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 54.425.000 | |
| 26 | Nguyễn Văn Phú | 6100140604 | 173 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 53.673.600 | |
| 27 | Võ Minh Quyên | 6101063060 | 600 Trần Phú, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 22.613.100 | |
| 28 | Lý Thị Nhất | 6100260612 | 401 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 61.771.000 | |
| 29 | Trần Thị Lệ | 6101258729 | 223 Phan Chu Trinh, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 47.154.800 | |
| 30 | Phạm Thị Thiện | 6101088756 | 606 Nguyễn Huệ, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 27.008.247 | |
| 31 | Trần Thị Minh Trâm | 6100237490 | Lô 16 Ngô Tất Tố, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 20.231.580 | |
| 32 | Trần Thị Hạnh | 6101212844 | 02 (Kiot 3), Tố Hữu, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.705.500 | |
| 33 | Phan Công Hoàng | 6101271141 | 205B Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.200.000 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Đặng Thị Quy | 6100105582 | 73 Hoàng Văn Thụ, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.196.300 | |
| 35 | Nguyễn Thị Lai | 6100232894 | 124 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.097.000 | |
| 36 | Lương Thị Bé | 6101212837 | 04 Tố Hữu, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.454.600 | |
| 37 | Đinh Thị Minh Thảo | 6101212925 | 148 (Vỉa hè) Hoàng Văn Thụ , phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.647.200 | |
| 38 | Phạm Thị Mai | 6101212932 | 148 (Vỉa hè) Hoàng Văn Thụ , phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.647.200 | |
| 39 | Tô Thị Thúy | 6101222930 | 167F Ngô Quyền, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.130.200 | |
| 40 | Trần Tú Uyên | 6101230360 | 181 Ngô Quyền, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.937.200 | |
| 41 | Trần Thị Hòa | 6101233058 | 148 Hoàng Văn Thụ , phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.647.200 | |
| 42 | Nguyễn Thị Hiếu | 8312975380 | 167E Ngô Quyền, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.567.800 | |
| 43 | Trần Kim Trọng Nghĩa | 6100272960 | 76 Lê Hồng Phong , phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.390.800 | |
| 44 | Nguyễn Thị Kiều Trinh | 6101180166 | 333 Lê Hồng Phong , phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.070.000 | |
| 45 | Bùi Bá Hải | 6101219783 | 601B Nguyễn Huệ, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.329.000 | |
| 46 | Trần Thị Kim Tươi | 6101256633 | 109A Hoàng Văn Thụ, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.361.600 | |
| 47 | Nguyễn Vạn | 6100150930 | 997 Phan Đình Phùng , phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 11.816.400 | |
| 48 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 6101176699 | 22 Phạm Ngũ Lão, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 12.025.800 | |
| 49 | Nguyễn Việt Linh | 8099835218 | 14 Tố Hữu, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 22.367.000 | |
| 50 | Nguyễn Thị Gái | 6100263596 | 100 Nguyễn Đình Chiểu, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 12.916.200 | |
| 51 | Phạm Văn Thìn | 6100186768 | 969 Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 19.564.600 | |
| 52 | Nguyễn Đình Hòa | 6101177773 | 951 Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 30.582.000 | |
| 53 | Hàn Vũ Anh Kiệt | 6101229189 | 30 Trần Bình Trọng, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 11.523.000 | |
| 54 | Lê Anh Tuấn | 6101177607 | 352 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 29.058.800 | |
| 55 | Trần Văn Cung | 6101109967 | 920 Phan Đình Phùng , phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 29.506.800 | |
| 56 | Đàm Văn Thiện | 6100101316 | 937 Phan Đình Phùng , phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 40.925.800 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 57 | Trần Thị Hoài Thương | 6101156519 | 98 Nguyễn Đình Chiểu, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.725.000 | |
| 58 | Trần Quốc Thanh | 6101193302 | 933 Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Kon Tum | 10.240.000 | |
| 59 | Phan Tấn Luân | 6100103539 | 220 Trần Hưng Đạo, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.512.800 | |
| 60 | Lê Thị Yến Vi | 6100228873 | 383 Trần Phú, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.604.500 | |
| 61 | Karaoke Gió Lạ (Lê Thị Cảnh Thuỳ) | 6100236828 | 95 Thi Sách, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 16.034.800 | |
| 62 | Phạm Minh Đức | 6100389077-001 | 31 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 470.400 | |
| 63 | Nguyễn Đình Sâm | 6100843029 | 38 Tăng Bạt Hổ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 6.190.000 | |
| 64 | Đỗ Thị Hồng Quyên | 6100862208 | 132 Trần Hưng Đạo, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.002.000 | |
| 65 | Hồ Mộng Hiền | 6101047647 | 328 Đào Duy Từ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 7.561.000 | |
| 66 | Nguyễn Văn Mến | 6101076937 | Thôn KonTum KPơng, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.016.000 | |
| 67 | Nguyễn Thị Hoài Thương | 6101137996 | 379 Trần Phú, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.292.000 | |
| 68 | Lê Văn Đảm | 6101159083 | 34 Nguyễn Huy Lung, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.072.500 | |
| 69 | Phan Thụy Vân Lam | 6101177068 | 283 Đào Duy Từ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 900.000 | |
| 70 | Nguyễn Nhã Chinh | 6101181226 | 439 Trân Phú, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.502.800 | |
| 71 | Lê Thị Bốn | 6101184918 | 313 Đào Duy Từ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.405.500 | |
| 72 | Huỳnh Thị Thúy Hằng | 6101192958 | 02 Thi Sách, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.134.000 | |
| 73 | Ngô Văn Lộc | 6101220059 | 120 Bắc Cạn, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.116.000 | |
| 74 | Nguyễn Thanh Tòng | 6101223388 | 65 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 260.400 | |
| 75 | Đặng Kim Hùng | 6101229541 | 124 Bắc Cạn, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.158.000 | |
| 76 | Nguyễn Thị Hưởng | 6101245381 | C7 Nhà công vụ Sư 10, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.477.600 | |
| 77 | Phạm Thị Hạnh | 6101251868 | 69 Nguyễn Viết Xuan, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 7.200.600 | |
| 78 | Nguyễn Thị Vân Anh ( Nhà nghỉ Anh Tuấn ) | 6101251875 | 05 Phan huy Chú, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.842.700 | |
| 79 | Nguyễn Hoàng Anh | 6101252540 | 71 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.802.400 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 80 | Đặng Thị Thanh Thảo | 6101255982 | 84 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 4.405.500 | |
| 81 | Phạm Thị Điểm | 6101258750 | Bắc Cạn, Thôn KonTum KPơng, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.100.000 | |
| 82 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 6101258856 | 112 Phan Chu Trinh, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.550.000 | |
| 83 | Nguyễn Thành Tuấn | 6101261182 | 119A Đống Đa, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 11.383.860 | |
| 84 | Nguyễn Thị Mai Hường | 6101274311 | 90 Phan Chu Trinh, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.292.000 | |
| 85 | Nguyễn Thị Thủy | 6101277506 | 11 Phan Huy Chú, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.292.000 | |
| 86 | Nguyễn Thị Lan Anh | 8039328372 | Kiôt 65 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.100.000 | |
| 87 | Nguyễn Minh Đành | 8169442502 | Đường Ba Đình, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.292.000 | |
| 88 | Hoàng Đức Thanh | 8223165472 | 236 Bắc Cạn, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.292.000 | |
| 89 | Đặng Thị Thuý Loan | 8271168466 | 169 Đống Đa, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 41.508.000 | |
| 90 | Bùi Đình Chí | 8300132435 | Thôn Kon KLo, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.000.500 | |
| 91 | Phan Thị Phương Quỳnh | 8321952076 | 133 Phan Chu Trinh, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 16.200.000 | |
| 92 | Võ Thị Kim Liên | 8409455868 | 01 Bà Triệu, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 504.000 | |
| 93 | Nguyễn Việt Quốc | 8416285053-001 | 267 Đào Duy Từ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.818.000 | |
| 94 | Câu lạc bộ thể thao (Phạm Ngọc Khánh) | 8424412354 | 353 Đào Duy Từ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 9.584.000 | |
| 95 | Lưu Thị Tuyết | 8557856937 | 07 Bắc Cạn, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 630.000 | |
| 96 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 8558220407 | 182 Bà Triệu, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 9.800.000 | |
| 97 | NGUYỄN SƠN TƯỜNG LINH | 8598337049 | 350 Đào Duy Từ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 6.505.200 | |
| 98 | Nguyễn Khả Như | 8703354430 | 118 Phan Chu Trinh, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 12.042.000 | |
| 99 | Võ Hoàng Vĩ | 8725884544-001 | 80 Phan Chu Trinh, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 3.005.000 | |
| 100 | Phan Thanh Trường | 6100468836-001 | 98 Thi Sách, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 22.016.606 | |
| 101 | Phan Thị Thanh | 6100621844 | 297 Trần Phú, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 2.550.900 | |
| 102 | Phan Xuân Huy | 6101277859 | 107 Bà Triệu, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 1.434.000 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 103 | Trần Văn Hòa | 8503303333 | 40 Tăng Bạt Hổ, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 909.000 | |
| 104 | Nguyễn Thị Hương Giang | 8763159219-001 | 120 Phan Chu Trinh, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 750.600 | |
| 105 | Hoàng Thị Kiều Oanh | 6100803717-001 | 27B Bắc Cạn, P. Thắng Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum | 600.300 | |
| 106 | Đặng Anh Vũ | 8783339629-001 | 170 Ngô Quyền, phường Thống Nhất, TP Kon Tum, Kon Tum | 588.000 | |
| 107 | Phạm Thuý Hằng | 6100254601 | Số 661 Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 25.515.000 | |
| 108 | Võ Thanh Hùng | 6100269950 | 647 Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.608.000 | |
| 109 | Dương Võ Đức Lộc | 6100534969 | 653 Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 8.845.800 | |
| 110 | Nguyễn Thị Kim Loan | 6100166200 | Số 615 Duy Tân, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 2.511.000 | |
| 111 | Phan Lý Tú Uyên | 6101253992 | Số 621 Duy Tân, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 8.181.000 | |
| 112 | Khiếu Duy Nam | 6101257813 | Số 287 Trần Khánh Dư, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 5.670.000 | |
| 113 | Văn Minh Khánh | 6100192923 | Số 02 Nguyễn Văn Hoàng, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 3.150.000 | |
| 114 | Nguyễn Thị Điệp | 6101222539 | 282 Trường Chinh, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 411.000 | |
| 115 | Hồ Thị Uyên Ly | 6101222715 | 127 Võ Nguyên Giáp, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 1.143.000 | |
| 116 | Bạch Văn Định | 8526346220 | hẻm 240/40 Ure, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 3.200.400 | |
| 117 | Nguyễn Thị Hằng | 6100244917 | 32 Lý Nam Đế, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 2.055.753 | |
| 118 | Lê Thị Hạnh | 6100210731 | số 169 Đinh Công Tráng, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 3.197.935 | |
| 119 | Phạm Thị Ngọ | 6100224420 | 69 Tô Hiến Thành, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 805.462 | |
| 120 | Nguyễn Thị Thành | 6101190196 | 88/9 Sư Vạn Hạnh, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 1.522.376 | |
| 121 | Trần Thị Nhân | 6100216733 | 125 Hàm Nghi, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 1.749.572 | |
| 122 | Trần Minh Triều | 8166154993 | 273 Duy Tân, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 1.867.779 | |
| 123 | Võ Thị Minh Thảo | 6100224519 | 148 Duy Tân. phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 2.348.412 | |
| 124 | Trần Thị Thanh Nga | 6101195356 | Chợ Duy Tân, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 3.701.785 | |
| 125 | Lê Thị Đó | 6100211206 | Tổ 2, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 6.557.481 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 126 | Trần Thị Ánh Nguyệt | 6101058857 | Chợ Duy Tân, phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 5.532.648 | |
| 127 | Bùi Thị Thanh | 6100210932 | 112 Hàm Nghi. phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.490.433 | |
| 128 | Mai Thị Xuân Phượng | 6100210918 | số 160 Ngô Quyền, Phường Thống Nhất, TP Kon Tum, Kon Tum. | 5.381.633 | |
| 129 | Lục Văn Trường | 8513314454-001 | 149 Phan Đình Phùng, phường Ngô Mây, TP Kon Tum, Kon Tum. | 2.100.300 | |
| 130 | Nguyễn Thị Thoa | 6101186619 | 94 Nguyễn Hữu Thọ, phường Ngô Mây, TP Kon Tum, Kon Tum. | 1.050.000 | |
| 131 | Lê Thiện Tân | 8764967096-001 | Tôn Đức Thắng, phường Ngô Mây, TP Kon Tum, Kon Tum. | 3.103.500 | |
| 132 | Lê Thị Chi | 6100178485 | 51 Phan Đình Phùng, phường Ngô Mây, TP Kon Tum, Kon Tum. | 4.599.200 | |
| 133 | Nguyễn Thị Kim Thanh | 6100712530 | 260 Phan Đình Phùng, phường Ngô Mây, TP Kon Tum, Kon Tum. | 5.705.400 | |
| 134 | Nguyễn Thị Minh | 6101272018 | 09 Nguyễn Hữu Thọ, phường Ngô Mây, TP Kon Tum, Kon Tum. | 3.778.500 | |
| 135 | Lê Hữu Hưởng | 8247687083 | Tổ 1, phường Ngô Mây, TP Kon Tum, Kon Tum. | 4.458.000 | |
| 136 | Đoàn Minh Hiền | 6101129226 | 304 Phan Đình Phùng, phường Ngô Mây, TP Kon Tum, Kon Tum. | 13.983.600 | |
| 137 | Phan Tuấn Hùng | 8247681733 | Thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, TP Kon Tum, Kon Tum | 5.100.600 | |
| 138 | Võ Thị Đỉnh | 6100530499 | Phương Quý, xã Vinh Quang, TP Kon Tum, Kon Tum | 6.700.800 | |
| 139 | Nguyễn Văn Trọng | 6100583388 | Phương Quý 1, xã Vinh Quang, TP Kon Tum, Kon Tum | 6.805.200 | |
| 140 | Đỗ Minh Huyền | 8781211253-001 | ThônTrung Nghĩa Tây, xã Kroong, tỉnh Kon Tum | 3.766.800 | |
| 141 | Trần Thị Mỹ Anh | 6100999530-001 | ThônTrung Nghĩa Tây, xã Kroong, tỉnh Kon Tum | 3.766.800 | |
| 142 | Hồng Thị Ngọc Thu | 8348634384-001 | Thôn 2, xã Kroong, xã Kroong, tỉnh Kon Tum | 2.970.000 | |
| 143 | Phan Thị Hồng Hạnh | 6100232100 | Thôn 1, xã Kroong, xã Kroong, tỉnh Kon Tum | 3.766.800 | |
| 144 | Trần Xuân Hùng | 6100816184 | 104 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 1.400.400 | |
| 145 | Nguyễn Thị Thanh Nha | 6100193885-001 | 213 Trường Chinh, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 18.000.000 | |
| 146 | Phạm Văn Hoàng | 8514424280 | 352 Trần Nhân Tông, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 3.600.000 | |
| 147 | Trần Văn Sang | 8297680816 | 502 Hùng Vương, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.590.000 | |
| 148 | Đỗ Thị Thiệt | 8271168265 | 294 Trần Phú, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 3.880.800 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 149 | Nguyễn Thị Tú Oanh | 4100732533 | 268 Bà Triệu, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 2.592.000 | |
| 150 | Lê Văn Hoàng | 8516614512-001 | 87 Lê Hồng Phong, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.258.800 | |
| 151 | Phạm Ngọc Hoàng | 6101240665 | 09 Lê Hồng Phong, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.200.000 | |
| 152 | Hồ Thị Bích Phượng | 6100647560 | 478 Hùng Vương, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 3.099.600 | |
| 153 | Hoàng Văn Hiệp | 8426846565-002 | 769 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 6.309.000 | |
| 154 | Nguyễn Thị Xuân Hồng | 6100247442 | 919 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 11.583.000 | |
| 155 | Nguyễn Thị Ngọc | 6100271029 | 16 Đoàn Thị Điểm, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 7.290.000 | |
| 156 | Lê Thị Bích Vân | 6100243374 | 09 Mạc Đinh Chi, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 8.100.000 | |
| 157 | NGUYỄN NGỌC TÚ | 6101256496 | 23 Đoàn Thị Điểm, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 9.072.000 | |
| 158 | Nguyễn Thị Sỹ | 6100112815 | 707 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 40.590.000 | |
| 159 | Đoàn Văn Sơn | 6101135861 | 730 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 5.208.000 | |
| 160 | Rin Rin (Nguyễn Thanh Huy) | 6100238800 | 536 Hùng Vương, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 7.364.000 | |
| 161 | Nguyễn Thị Chung | 6101276291 | Lô số 51, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 604.800 | |
| 162 | Cao Bá Khanh | 8441809060 | 46 Nguyễn Văn Cừ, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 2.430.000 | |
| 163 | Nguyễn Văn Lư | 8551844244-001 | 540 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.320.000 | |
| 164 | Võ Thị Thanh Thủy | 8796794583-001 | Lô số 01, chợ phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 630.000 | |
| 165 | Trần Châu Long | 6100856902 | 159 Nguyễn Sinh Sắc, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 3.402.000 | |
| 166 | Phan Thị Nhung | 6101241725 | 09 Hà Huy Tập, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 9.423.000 | |
| 167 | Ngô Văn Duy | 6101207749 | 128 Hai Bà Trưng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.941.000 | |
| 168 | Nguyễn Lê | 6100242483 | 108 Hai Bà Trưng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 2.608.200 | |
| 169 | Vũ Thị Bình | 6101273004 | Lô số 36, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 972.000 | |
| 170 | Nguyễn Thị Quý | 6101273117 | Lô số 47, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 579.600 | |
| 171 | Huỳnh Thị Lang | 6101273283 | Lô số 44,chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 1.272.000 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 172 | Lê Thị Hương Thảo | 8735856627-001 | Lô số 60, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 907.200 | |
| 173 | Trương Thế Dương | 6100540680-001 | Lô số 60A, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 907.200 | |
| 174 | Khúc Thị Nhung | 8514707962-001 | Lô số 31A, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 907.200 | |
| 175 | Nguyễn Thị Tình | 6101279528 | Lô số 57, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 756.000 | |
| 176 | Trần Thị Ngân | 8796793678-001 | Lô số 58, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 756.000 | |
| 177 | Bùi Thị Tâm | 6101272988 | Lô số 77, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 1.440.000 | |
| 178 | Ngô Thị Thanh Duyên | 6100240750 | 296 Hai Bà Trưng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 5.175.900 | |
| 179 | Nguyễn Thị Kiểm | 8436920144 | 234 Hoàng Thị Loan, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.158.000 | |
| 180 | Quán thịt dê Thiện Vẻ (Tống Thị Vẻ) | 6100178693 | 58 Huỳnh Đăng Thơ, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 7.257.600 | |
| 181 | Nguyễn Thị Kim Thoa | 6101210886 | 354 Bà Triệu, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.536.000 | |
| 182 | Hồ Thị Tâm | 6100113093 | 620 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 13.002.400 | |
| 183 | Huỳnh Văn Nam | 6101276319 | Lô số 8, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 1.963.200 | |
| 184 | Hồ Thị Thương | 6101281492 | 205 Hoàng Thị Loan,phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 5.308.200 | |
| 185 | Lê Anh Nam | 6100601950 | 01/2 Hẻm H B Trưngphường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum, | 10.087.500 | |
| 186 | Nguyễn Thị Tố Lan | 6101273068 | Lô số 50, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.075.200 | |
| 187 | Nguyễn Thị Thu Nguyệt | 6100155914 | 534 Hùng Vương,phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 7.238.000 | |
| 188 | Nguyễn Thị Trâm | 8186950270 | Lô số 34, chợ Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 4.407.000 | |
| 189 | Nguyễn Lê Minh Thuận | 6101222521 | 58 Hoàng Thị Loan, phường Quang Trung, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | 9.248.715 | |
| 190 | Đặng Thành Nhựt | 6100255193 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.375.800 | |
| 191 | Phạm Thanh Bách | 6100257352 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 7.564.082 | |
| 192 | Lưu Thị Mến | 6100471476 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 1.618.700 | |
| 193 | Đoàn Thế Trị | 6100519167 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 1.684.000 | |
| 194 | Đoàn Thế Trị | 6100519167 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 4.188.210 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 195 | Tô Hữu Hải | 6100540063 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.354.900 | |
| 196 | Nguyễn Thanh Hảo | 6100687098 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 2.634.028 | |
| 197 | Nguyễn Đức Khiêm | 6100707675 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.557.963 | |
| 198 | Nguyễn Đình Vũ | 6100773597 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 6.176.951 | |
| 199 | Hà Văn Bá | 6100822156 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.233.500 | |
| 200 | Nguyễn Đình Công | 6101077786 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.615.800 | |
| 201 | Phùng Văn Tiến | 6101173553 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 21.371.000 | |
| 202 | Phạm Văn Cư | 6101177798 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 2.542.086 | |
| 203 | Đoàn Thị Tâm | 8083962570 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 4.779.040 | |
| 204 | Nguyễn Viết Bình | 8165868152 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 9.403.511 | |
| 205 | Lê Đình Long | 8186952359 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 11.696.902 | |
| 206 | Hồ Thanh Hà | 8247640705 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.419.179 | |
| 207 | Trần Văn Minh | 8247669817 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 2.815.000 | |
| 208 | Phùng Văn Phương | 8247671076 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 4.329.400 | |
| 209 | Nguyễn Hữu Du | 8247671252 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 7.204.735 | |
| 210 | Nguyễn Thành | 8247671372 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.359.170 | |
| 211 | Lê Hoàng Hải | 8247671485 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 15.622.813 | |
| 212 | Trần Văn Phước | 8286177008 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 5.624.844 | |
| 213 | Đào Duy Tùng | 8312377895 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 1.398.500 | |
| 214 | Phạm Văn Lợi | 8347499284 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.360.100 | |
| 215 | Nguyễn Bá Tín | 8349809291 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.424.100 | |
| 216 | Nguyễn Hoài Sơn | 8434882091 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 5.175.874 | |
| 217 | Lê Đình Hùng | 8434882165 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 8.870.052 | |

| STT | Tên NNT | Mã số thuế | Địa chỉ | Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền CN đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 218 | Vũ Văn Đạt | 8470061781 | Làng nghề H' Nor, phường Lê Lợi | 3.084.700 | |

*KonTum, ngày 26 tháng 7 năm 2023*

**KT CHI CỤC TRƯỞNG**

**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

| Người lập | Đội trưởng Đội Kiểm tra Thuế | |
|---|---|---|
| Hồ Thị Huyền | Ngọ Duy Tới | Nguyễn Hữu Bình |